

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LỘC THẠNH

Mẫu biểu số 60

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2025

Đơn vị tính: đồng

	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NSDP	Gồm: Thu NS cấp tỉnh Thu NS cấp xã		Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	I	2	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
	TỔNG SỐ (A+B +C+D+E)	211.712.470.155	208.222.158.259	197.309.176.472		197.309.176.472		197.309.176.472	93%	95%
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1.262.000.000	2.962.000.000	3.480.241.136		3.480.241.136		3.480.241.136	276%	117%
I	Thu nội địa không kể dầu thô	1.262.000.000	1.262.000.000	1.780.241.136		1.780.241.136		1.780.241.136	141%	141%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý		-							
	- Thuế giá trị gia tăng									
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý		-							
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		-							
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	380.200.000	380.200.000	582.183.507		582.183.507		582.183.507	153%	153%
	- Thuế giá trị gia tăng	380.200.000	380.200.000	582.183.507		582.183.507		582.183.507	153%	153%
5	Lệ phí trước bạ	425.000.000	425.000.000	535.792.318		535.792.318		535.792.318	126%	126%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-							
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	165.000.000	165.000.000							
8	Thuế thu nhập cá nhân		-							
9	Thuế bảo vệ môi trường		-							
10	Phí, lệ phí	181.800.000	181.800.000	304.660.000		304.660.000		304.660.000	168%	168%
	Bao gồm:									
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu			113.260.000		113.260.000		113.260.000		
	- Lệ phí môn bài			191.400.000		191.400.000		191.400.000		
11	Tiền sử dụng đất		-							
12	Thu tiền thuê đất		-							

